|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2020/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.*

**Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất đối với các đối tượng sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản;

- Sản xuất, chế biến thực phẩm; Dệt; Sản xuất trang phục; Sản xuất giày, dép; Sản xuất sản phẩm từ cao su; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; Sản xuất, lắp ráp ô tô (trừ sản xuất, lắp ráp ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

- Vận tải đường sắt; Vận tải đường bộ; Vận tải đường thủy; Vận tải hàng không; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;

- Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống;

- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Danh mục ngành kinh tế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Căn cứ để xác định các tiêu chí doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ là thông tin vốn, doanh thu trên Báo cáo tài chính hoặc số lao động đóng bảo hiểm tại thời điểm 31/12/2019 đối với doanh nghiệp thành lập trước 01/01/2020 hoặc thông tin vốn, lao động trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thành lập năm 2020.

**Điều 2. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất**

1. Đối với thuế giá trị gia tăng

a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của các tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2020 của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 1 Nghị định này đang thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp theo tháng. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của Quý I và Quý II năm 2020 của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 1 Nghị định này đang thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quý. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số thuế GTGT phải nộp và hồ sơ khai bổ sung gửi đến cơ quan thuế trước thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

Các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế GTGT tháng, quý theo quy định pháp luật hiện hành, nhưng chưa phải nộp số thuế GTGT phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế GTGT đã kê khai. Thời hạn nộp thuế GTGT của tháng, quý được gia hạn như sau:

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 3 năm 2020 chậm nhất là ngày 20/9/2020.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 4 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2020.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 5 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2020.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 6 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020.

- Thời hạn nộp thuế GTGT Quý 01 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2020.

- Thời hạn nộp thuế GTGT Quý 02 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định này có các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc ở địa phương cấp tỉnh khác nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính (không bao gồm đơn vị có hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 1%, 2%) thực hiện khai thuế GTGT riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT nếu có hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành kinh tế thuộc lĩnh vực được gia hạn.

2. Đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2020 của cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế nêu tại Điều 1 Nghị định này. Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này trước ngày 15 tháng 12 năm 2020.

3. Đối với tiền thuê đất

Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm và sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc các ngành kinh tế nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật. Thời hạn nộp tiền thuê đất được gia hạn chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2020.

4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định này thì: doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng phải nộp; cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định này. Riêng tiền thuê đất gia hạn được xác định theo từng quyết định, hợp đồng có mục đích sử dụng đất vào sản xuất, kinh doanh các ngành kinh tế nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

**Điều 3. Trình tự, thủ tục gia hạn**

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh thuộc đối tượng gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất đối với các khoản thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2020 (theo phương thức điện tử hoặc phương thức khác do người nộp thuế lựa chọn).

2. Nếu quá thời hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất cho cơ quan thuế quy định tại khoản 1 Điều này mà người nộp thuế không gửi đến cơ quan thuế thì không được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

3. Người nộp thuế chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định này. Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn nhưng không đúng đối tượng.

4. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, cơ quan thuế căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất, không tính tiền chậm nộp tiền thuế, tiền thuê đất đối với số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách Xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KTTH (5b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |